

Số: /QĐ-SGDĐT

Quảng Ninh, ngày tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 cho các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc và trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Quyết định số 33/2020/QĐ-UBND ngày 08/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh; Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 33/2020/QĐ-UBND ngày 08/10/2020;

Căn cứ Quyết định số 3569/QĐ-UBND ngày 09/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 cho các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc và trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo (biểu chi tiết kèm theo).

Điều 2. Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 được giao, đơn vị sử dụng ngân sách thực hiện phân khai kinh phí theo đúng mục đích, chế độ, chính sách hiện hành. Thủ trưởng các đơn vị sử dụng ngân sách chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng đúng mục đích, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm và quyết toán ngân sách theo đúng quy định của luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Tài chính;
- KBNN tỉnh (huyện, thị xã, thành phố);
- Đơn vị sử dụng ngân sách;
- Lưu: VT, KHTC7.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thúy

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2025

Đơn vị: Cơ quan Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh

Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1043487-422-340-341- 864

Mã KBNN nơi giao dịch: 2811

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày /12/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	0
- Học phí	
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại(Sau khi trích nguồn CCTL)	0
- Học phí	
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	77.651
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp giao	78.079
1.1 Chi quản lý hành chính	14.117
a. Kinh phí thực hiện tự chủ	14.117
b. Kinh phí không thực hiện tự chủ	0
1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục	63.733
a. Kinh phí thực hiện tự chủ	
b. Kinh phí không thực hiện tự chủ	63.733
- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	16.430
- Khen thưởng các kỳ thi	7.559
- Khen thưởng toàn ngành	4.212
- Hoạt động chuyên môn	23.126
+ Nhiệm vụ Giáo dục thường xuyên	589
+ Nhiệm vụ Giáo dục Mầm non	717

+ Nhiệm vụ Giáo dục Trung học	4.733
+ Nhiệm vụ Tổ chức cán bộ và Quản lý chất lượng	10.758
+ Nhiệm vụ Thanh tra	1.296
+ Nhiệm vụ Văn phòng	4.830
+ Nhiệm vụ Kế hoạch, Tài chính	203
- Chính sách thu hút sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ	66
- Hỗ trợ học phí học kỳ II Năm học 2024 - 2025 theo quy định Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của HĐND tỉnh	11.273
- Kinh phí thực hiện hợp đồng lao động và hợp đồng dịch vụ đối với một số loại công việc theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ	448
- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	619
1.3 Chi đảm bảo xã hội	229
- Chương trình bảo vệ trẻ em và thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021 - 2025	112
- Chương trình hành động về bình đẳng giới và phòng ngừa ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới	88
- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Ninh)	29
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	428

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2025

Đơn vị: Trường trung học phổ thông Bạch Đằng

Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1038641-422-070-074-864

Mã KBNN nơi giao dịch: 2817

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày /12/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	1.403
- Học phí	1.403
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại(Sau khi trích nguồn CCTL)	1.403
- Học phí	1.403
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	18.974
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp giao	19.292
1.1 Chi quản lý hành chính	
1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục	19.292
a. Kinh phí thực hiện tự chủ	15.889
b. Kinh phí không thực hiện tự chủ	3.403
- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	26
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	425
- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	244
+ Bảo vệ trường	180
+ Vệ sinh chung	60
+ Bổ sung sách thư viện	4
- Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới	1.218
- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	716
- Hỗ trợ học phí học kỳ II Năm học 2024 - 2025 theo quy định Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của HĐND tỉnh	774
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	318

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2025

Đơn vị: Trường trung học phổ thông Bãi Cháy

Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1038107-422-070-074-864

Mã KBNN nơi giao dịch: 2811

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDDT ngày /12/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	1.640
- Học phí	1.640
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại(Sau khi trích nguồn CCTL)	1.640
- Học phí	1.640
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	25.696
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp giao	26.069
1.1 Chi quản lý hành chính	
1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục	26.069
a. Kinh phí thực hiện tự chủ	18.641
b. Kinh phí không thực hiện tự chủ	7.428
- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	61
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	590
- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	277
+ Bảo vệ trường	90
+ Vệ sinh chung	60
+ Tổ chức, tham gia các kỳ thi	127
- Sửa chữa, bảo dưỡng tài sản công (Sửa chữa nhà hiệu bộ, nhà học A, B, C, E, nhà thư viện, nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ khác)	3.141

- Sửa chữa, bảo trì thường xuyên tài sản, cơ sở vật chất, mua sắm bổ sung, thay thế trang thiết bị phục vụ dạy và học cho trường, lớp học	250
+ <i>Sửa chữa hệ thống camera</i>	90
+ <i>Sửa chữa tường rào</i>	80
+ <i>Sửa chữa máy chiếu</i>	30
+ <i>Sửa chữa thiết bị tin học</i>	30
+ <i>Sửa chữa hệ thống điện</i>	20
- Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới	1.329
- Mua sắm bổ sung trang thiết bị (Mua sắm bổ sung bàn ghế học sinh, giáo viên)	53
- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	830
- Hội đồng coi thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh THPT năm 2025	
- Hỗ trợ học phí học kỳ II Năm học 2024 - 2025 theo quy định Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của HĐND tỉnh	897
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	373

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2025
Đơn vị: Trường trung học phổ thông Cẩm Phả
Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1042607-422-070-074-864
Mã KBNN nơi giao dịch: 2813

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDDT ngày /12/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	1.837
- Học phí	1.837
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại(Sau khi trích nguồn CCTL)	1.837
- Học phí	1.837
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	24.271
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp giao	24.693
1.1 Chi quản lý hành chính	
1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục	24.693
a. Kinh phí thực hiện tự chủ	21.108
b. Kinh phí không thực hiện tự chủ	3.585
- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	100
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	800
- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	304
+ Bảo vệ trường	100
+ Vệ sinh chung	75
+ Tổ chức, tham gia các kỳ thi	129
- Sửa chữa, bảo dưỡng tài sản công	
- Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới	399
- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	918
- Hội đồng coi thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh THPT	51
- Hỗ trợ học phí học kỳ II Năm học 2024 - 2025 theo quy định Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của HĐND tỉnh	1.013
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	422

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2025
Đơn vị: Trường trung học phổ thông Cửa Ông
Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1066417-422-070-074-864
Mã KBNN nơi giao dịch: 2813

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày /12/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	746
- Học phí	746
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại (Sau khi trích nguồn CCTL)	746
- Học phí	746
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	14.587
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp giao	14.762
<i>1.1 Chi quản lý hành chính</i>	
<i>1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục</i>	14.762
<i>a. Kinh phí thực hiện tự chủ</i>	8.726
<i>b. Kinh phí không thực hiện tự chủ</i>	6.036
- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	806
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	245
- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	149
+ <i>Bảo vệ trường</i>	149
- Sửa chữa, bảo dưỡng tài sản công (Sửa chữa nhà học, nhà đa năng, sân giáo dục thể chất và một số hạng mục phụ trợ khác)	3.340
- Sửa chữa, bảo trì thường xuyên tài sản, cơ sở vật chất, mua sắm bổ sung, thay thế trang thiết bị phục vụ dạy và học cho trường, lớp học	250
+ <i>Bảo trì thiết bị các phòng học thông minh</i>	45

+ Lắp đặt hệ thống mạng Internet, bảo trì máy tính phòng tin học	30
+ Sửa chữa hệ thống điện, sơn tường, trang trí, khẩu hiệu phòng truyền thống, phòng học, phòng thực hành thí nghiệm	103
+ Bảo trì máy điều hoà các phòng chức năng	20
+ Sửa mái nhà vệ sinh học sinh	10
+ Sửa chữa bàn ghế phòng học	42
- Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới	455
- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	392
- Hỗ trợ học phí học kỳ II Năm học 2024 - 2025 theo quy định Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của HĐND tỉnh	399
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	175

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2025
Đơn vị: Trường trung học phổ thông Đông Thành
Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1060738-422-070-074-864
Mã KBNN nơi giao dịch: 2817

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày /12/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	935
- Học phí	935
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại(Sau khi trích nguồn CCTL)	935
- Học phí	935
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	15.704
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp giao	15.956
1.1 Chi quản lý hành chính	
1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục	15.956
<i>a. Kinh phí thực hiện tự chủ</i>	<i>12.608</i>
<i>b. Kinh phí không thực hiện tự chủ</i>	<i>3.348</i>
- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	23
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	453
- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	175
+ Bảo vệ trường	72
+ Vệ sinh chung	48
+ Tổ chức, tham gia các kỳ thi	40
+ Tập huấn, bồi dưỡng do Sở GD&ĐT tổ chức, điều động tham gia	10
+ Bổ sung sách thư viện	5
- Sửa chữa, bảo dưỡng tài sản công (Sửa chữa khu nhà học B, C, nhà đa năng, sân giáo dục thể chất, nhà xe, cổng)	1.094

- Sửa chữa, bảo trì thường xuyên tài sản, cơ sở vật chất, mua sắm bổ sung, thay thế trang thiết bị phục vụ dạy và học cho trường, lớp học	250
+ Sửa chữa đường điện khu nhà học	40
+ Sửa chữa máy tính phòng tin học	20
+ Sửa chữa máy chiếu phòng học	20
+ Sửa chữa thiết bị phòng học thông minh	20
+ Sửa chữa cửa phòng học	35
+ Sửa chữa nhà vệ sinh học sinh, hệ thống cấp thoát nước	65
+ Sửa chữa hệ thống âm thanh phòng học	20
+ Sửa chữa camera	30
- Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới	201
- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	549
- Hội đồng coi thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh THPT	89
- Hỗ trợ học phí học kỳ II Năm học 2024 - 2025 theo quy định Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của HĐND tỉnh	514
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	252

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2025
Đơn vị: Trường trung học phổ thông Đông Triều
Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1038344-422-070-074-864
Mã KBNN nơi giao dịch: 2815

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày /12/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	1.410
- Học phí	1.410
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại(Sau khi trích nguồn CCTL)	1.410
- Học phí	1.410
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	18.607
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp giao	18.917
1.1 Chi quản lý hành chính	
1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục	18.917
a. Kinh phí thực hiện tự chủ	15.515
b. Kinh phí không thực hiện tự chủ	3.402
- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	47
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	550
- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	244
+ Bảo vệ trường	150
+ Vệ sinh chung	
+ Tổ chức, tham gia các kỳ thi	68
+ Vận hành trang thiết bị thông minh	26
- Sửa chữa, bảo trì thường xuyên tài sản, cơ sở vật chất, mua sắm bổ sung, thay thế trang thiết bị phục vụ dạy và học cho trường, lớp học	250

+ Sửa chữa thay thế thiết bị máy tính, máy in	47
+ Sửa chữa thay thế thiết bị điều hòa	42
+ Sửa chữa thay thế thiết bị điện	31
+ Sửa chữa, thay thế bàn ghế học sinh	40
+ Sửa chữa, thay thế phòng học thông minh	90
- Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới	829
- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	705
- Hỗ trợ học phí học kỳ II Năm học 2024 - 2025 theo quy định Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của HĐND tỉnh	777
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	310

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2025

Đơn vị: Trường trung học phổ thông Hoàng Hoa Thám

Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1045572-422-070-074-864

Mã KBNN nơi giao dịch: 2815

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày /12/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	1.005
- Học phí	1.005
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại(Sau khi trích nguồn CCTL)	1.005
- Học phí	1.005
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	14.266
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp giao	14.495
1.1 Chi quản lý hành chính	
1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục	14.495
a. Kinh phí thực hiện tự chủ	11.436
b. Kinh phí không thực hiện tự chủ	3.059
- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	35
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	145
- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	184
+ Bảo vệ trường	162
+ Vệ sinh chung	20
+ Bổ sung sách thư viện	2
- Sửa chữa, bảo dưỡng tài sản công (Sửa chữa nhà hiệu bộ, nhà học B, C, nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ khác)	727
- Sửa chữa, bảo trì thường xuyên tài sản, cơ sở vật chất, mua sắm bổ sung, thay thế trang thiết bị phục vụ dạy và học cho trường, lớp học	250

+ Sửa chữa đường điện phòng học	65
+ Sửa máy tính phòng tin học	50
+ Sửa chữa máy chiếu phòng học	10
+ Sửa chữa thiết bị phòng học thông minh	10
+ Sửa chữa sân bóng	20
+ Sửa nhà vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước	60
+ Sửa chữa cửa phòng học	35
- Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới	578
- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	510
- Hội đồng coi thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh THPT năm 2025	76
- Hỗ trợ học phí học kỳ II Năm học 2024 - 2025 theo quy định Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của HĐND tỉnh	554
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	229

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2025

Đơn vị: Trường trung học phổ thông Hoàng Quốc Việt

Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1070908 -422-070-074-864

Mã KBNN nơi giao dịch: 2815

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày /12/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	1.312
- Học phí	1.312
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại(Sau khi trích nguồn CCTL)	1.312
- Học phí	1.312
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	18.605
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp giao	18.907
1.1 Chi quản lý hành chính	
1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục	18.907
a. Kinh phí thực hiện tự chủ	15.105
b. Kinh phí không thực hiện tự chủ	3.802
- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	35
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	382
- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	231
+ Bảo vệ trường	179
+ Vệ sinh chung	50
+ Bổ sung sách thư viện	2
- Sửa chữa, bảo trì thường xuyên tài sản, cơ sở vật chất, mua sắm bổ sung, thay thế trang thiết bị phục vụ dạy và học cho trường, lớp học	250
+ Sửa chữa đường điện phòng học	52
+ Sửa máy tính phòng tin học	50

+ Sửa chữa máy chiếu phòng học	25
+ Sửa chữa sân trường	78
+ Sửa chữa trần phòng học	45
- Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới	1.517
- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	658
- Hỗ trợ học phí học kỳ II Năm học 2024 - 2025 theo quy định Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của HĐND tỉnh	729
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phân kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	302

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2025

Đơn vị: Trường trung học phổ thông Hoàng Văn Thụ

Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1040533-422-070-074-864

Mã KBNN nơi giao dịch: 2812

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày /12/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	897
- Học phí	897
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại(Sau khi trích nguồn CCTL)	897
- Học phí	897
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	11.913
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp giao	12.122
<i>1.1 Chi quản lý hành chính</i>	
<i>1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục</i>	12.122
<i>a. Kinh phí thực hiện tự chủ</i>	10.430
<i>b. Kinh phí không thực hiện tự chủ</i>	1.692
- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	30
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	206
- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	172
+ Bảo vệ trường	108
+ Tổ chức, tham gia các kỳ thi	64
- Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới	353
- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	438
- Hỗ trợ học phí học kỳ II Năm học 2024 - 2025 theo quy định Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của HĐND tỉnh	493
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	209

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2025

Đơn vị: Trường trung học phổ thông Hoàn Bồ

Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1040497-422-070-074-864

Mã KBNN nơi giao dịch: 2811

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày /12/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	1.250
- Học phí	1.250
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại(Sau khi trích nguồn CCTL)	1.250
- Học phí	1.250
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	16.624
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp giao	16.886
1.1 Chi quản lý hành chính	
1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục	16.886
<i>a. Kinh phí thực hiện tự chủ</i>	<i>13.101</i>
<i>b. Kinh phí không thực hiện tự chủ</i>	<i>3.785</i>
- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	421
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	280
- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	205
+ <i>Vệ sinh chung</i>	<i>5</i>
+ <i>Tổ chức, tham gia các kỳ thi</i>	<i>200</i>
- Sửa chữa, bảo dưỡng tài sản công (Sửa chữa nhà học, hiệu bộ, nhà truyền thống)	1.120
- Sửa chữa, bảo trì thường xuyên tài sản, cơ sở vật chất, mua sắm bổ sung, thay thế trang thiết bị phục vụ dạy và học cho trường, lớp học	250
+ <i>Sửa chữa thay thế hệ thống cấp thoát nước</i>	<i>45</i>

+ Sửa chữa nhà vệ sinh học sinh	42
+ Sửa chữa phòng máy tính, máy chiếu phòng học	48
+ Sửa chữa cổng, hàng rào	90
+ Sửa chữa cửa và thay thế khoá lớp học	25
- Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới	265
- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	585
- Hỗ trợ học phí học kỳ II Năm học 2024 - 2025 theo quy định Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của HĐND tỉnh	659
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	262

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2025

Đơn vị: Trường trung học phổ thông Hòn Gai

Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1041244-422-070-074-864

Mã KBNN nơi giao dịch: 2811

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày /12/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	2.031
- Học phí	2.031
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại(Sau khi trích nguồn CCTL)	2.031
- Học phí	2.031
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	29.973
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp giao	30.447
1.1 Chi quản lý hành chính	
1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục	30.447
<i>a. Kinh phí thực hiện tự chủ</i>	23.688
<i>b. Kinh phí không thực hiện tự chủ</i>	6.759
- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	93
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	901
- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	360
+ <i>Bảo vệ trường</i>	150
+ <i>Vệ sinh chung</i>	150
+ <i>Tổ chức, tham gia các kỳ thi</i>	60
- Sửa chữa, bảo trì thường xuyên tài sản, cơ sở vật chất, mua sắm bổ sung, thay thế trang thiết bị phục vụ dạy và học cho trường, lớp học	250
+ <i>Sửa chữa thiết bị tin học</i>	60
+ <i>Bảo dưỡng điều hoà</i>	44

+ <i>Bảo trì thang máy</i>	16
+ <i>Sửa chữa phòng học</i>	130
- Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới	2.972
- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	1.055
- Hỗ trợ học phí học kỳ II Năm học 2024 - 2025 theo quy định Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của HĐND tỉnh	1.128
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	474

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2025

Đơn vị: Trường trung học phổ thông Lê Chân

Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1045327-422-070-074-864

Mã KBNN nơi giao dịch: 2815

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày /12/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	445
- Học phí	445
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại(Sau khi trích nguồn CCTL)	445
- Học phí	445
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	14.491
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp giao	14.747
1.1 Chi quản lý hành chính	
1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục	14.747
a. Kinh phí thực hiện tự chủ	12.824
b. Kinh phí không thực hiện tự chủ	1.923
- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	33
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	274
- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	201
+ Bảo vệ trường	69
+ Vệ sinh chung	40
+ Tổ chức, tham gia các kỳ thi	80
+ Tập huấn, bồi dưỡng do Sở GD&ĐT tổ chức, điều động tham gia	12
- Sửa chữa, bảo dưỡng tài sản công (Sửa chữa nhà học C)	97
- Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới	497

- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	575
- Hỗ trợ học phí học kỳ II Năm học 2024 - 2025 theo quy định Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của HĐND tỉnh	246
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	256

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2025

Đơn vị: Trường trung học phổ thông Lê Hồng Phong

Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1066411-422-070-074-864

Mã KBNN nơi giao dịch: 2813

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày /12/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	756
- Học phí	756
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại(Sau khi trích nguồn CCTL)	756
- Học phí	756
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	10.802
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp giao	10.984
1.1 Chi quản lý hành chính	
1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục	10.984
a. Kinh phí thực hiện tự chủ	9.075
b. Kinh phí không thực hiện tự chủ	1.909
- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	28
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	137
- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	149
+ Bảo vệ trường	59
+ Vệ sinh chung	20
+ Tổ chức, tham gia các kỳ thi	50
+ Tập huấn, bồi dưỡng do Sở GD&ĐT tổ chức, điều động tham gia	10
+ Bổ sung sách thư viện	10
- Sửa chữa, bảo trì thường xuyên tài sản, cơ sở vật chất, mua sắm bổ sung, thay thế trang thiết bị phục vụ dạy và học cho trường, lớp học	240

+ Lát sân nhà hiệu bộ, sân trường	70
+ Sửa mái nhà để xe	49
+ Sửa chữa máy tính, máy chiếu phòng học	48
+ Sửa cửa nhà đa năng, nhà học	45
+ Sửa nhà vệ sinh học sinh, giáo viên	28
- Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới	534
- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	402
- Hội đồng coi thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh THPT năm 2025	
- Hỗ trợ học phí học kỳ II Năm học 2024 - 2025 theo quy định Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của HĐND tỉnh	419
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	182

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2025**Đơn vị: Trường trung học phổ thông Lê Quý Đôn****Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1038245-422-070-074-864****Mã KBNN nơi giao dịch: 2813***(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày /12/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)**Đơn vị tính: triệu đồng*

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	912
- Học phí	912
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại(Sau khi trích nguồn CCTL)	912
- Học phí	912
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	15.778
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp giao	16.016
1.1 Chi quản lý hành chính	
1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục	16.016
<i>a. Kinh phí thực hiện tự chủ</i>	<i>11.876</i>
<i>b. Kinh phí không thực hiện tự chủ</i>	<i>4.140</i>
- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	875
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	297
- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	175
+ <i>Bảo vệ trường</i>	<i>135</i>
+ <i>Vệ sinh chung</i>	<i>40</i>
- Sửa chữa, bảo dưỡng tài sản công (Sửa chữa nhà học A, nhà xe giáo viên, học sinh)	747
- Sửa chữa, bảo trì thường xuyên tài sản, cơ sở vật chất, mua sắm bổ sung, thay thế trang thiết bị phục vụ dạy và học cho trường, lớp học	230
+ <i>Bảo trì thiết bị 21 phòng học thông minh</i>	<i>45</i>

+ Sửa chữa thiết bị phòng học thông minh	39
+ Sửa chữa hệ thống điện phòng học, phòng thực hành	18
+ Sửa chữa, bảo dưỡng máy tính phòng tin học	24
+ Sửa chữa sân trường	30
+ Sửa chữa nhà vệ sinh	25
+ Sơn cổng, tường rào	25
+ Sửa chữa hệ thống âm thanh	24
- Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới	803
- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	512
- Hỗ trợ học phí học kỳ II Năm học 2024 - 2025 theo quy định Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của HĐND tỉnh	501
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	238

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2025

Đơn vị: Trường trung học phổ thông Lý Thường Kiệt

Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1066580-422-070-074-864

Mã KBNN nơi giao dịch: 2818

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày /12/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	301
- Học phí	301
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại(Sau khi trích nguồn CCTL)	301
- Học phí	301
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	9.935
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp giao	10.104
1.1 Chi quản lý hành chính	
1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục	10.104
a. Kinh phí thực hiện tự chủ	8.444
b. Kinh phí không thực hiện tự chủ	1.660
- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	37
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	152
- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	176
+ Bảo vệ trường	71
+ Vệ sinh chung	30
+ Tổ chức, tham gia các kỳ thi	50
+ Tập huấn, bồi dưỡng do Sở GD&ĐT tổ chức, điều động tham gia	15
+ Bổ sung sách thư viện	10
- Sửa chữa, bảo trì thường xuyên tài sản, cơ sở vật chất, mua sắm bổ sung, thay thế trang thiết bị phục vụ dạy và học cho trường, lớp học	90

+ Sửa chữa, bảo dưỡng máy tính, máy chiếu phòng học	40
+ Sửa chữa nền phòng thực hành	50
- Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới	671
- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	370
- Hỗ trợ học phí học kỳ II Năm học 2024 - 2025 theo quy định Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của HĐND tỉnh	164
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	169

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2025

Đơn vị: Trường trung học phổ thông Minh Hà

Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1066421-422-070-074-864

Mã KBNN nơi giao dịch: 2817

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày /12/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	542
- Học phí	542
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại(Sau khi trích nguồn CCTL)	542
- Học phí	542
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	18.225
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp giao	18.533
1.1 Chi quản lý hành chính	
1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục	18.533
a. Kinh phí thực hiện tự chủ	15.418
b. Kinh phí không thực hiện tự chủ	3.115
- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	30
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	200
- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	277
+ Bảo vệ trường	120
+ Vệ sinh chung	120
+ Tổ chức, tham gia các kỳ thi	37
- Sửa chữa, bảo dưỡng tài sản công (Sửa chữa nhà học, nhà xe, tường rào, sân)	657
- Sửa chữa, bảo trì thường xuyên tài sản, cơ sở vật chất, mua sắm bổ sung, thay thế trang thiết bị phục vụ dạy và học cho trường, lớp học:	250

+ Sửa chữa hệ thống mạng LAN và Wifi	250
- Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới	696
- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	709
- Hỗ trợ học phí học kỳ II Năm học 2024 - 2025 theo quy định Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của HĐND tỉnh	296
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	308

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2025

Đơn vị: Trường trung học phổ thông Mông Dương

Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1061952-422-070-074-864

Mã KBNN nơi giao dịch: 2813

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày /12/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	748
- Học phí	748
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại(Sau khi trích nguồn CCTL)	748
- Học phí	748
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	11.365
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp giao	11.529
1.1 Chi quản lý hành chính	
1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục	11.529
a. Kinh phí thực hiện tự chủ	8.109
b. Kinh phí không thực hiện tự chủ	3.420
- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	1.038
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	216
- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	149
+ Bảo vệ trường	99
+ Vệ sinh chung	50
- Sửa chữa, bảo dưỡng tài sản công (Sửa chữa nhà xe, nhà thư viện, khu giáo dục thể chất)	588
- Sửa chữa, bảo trì thường xuyên tài sản, cơ sở vật chất, mua sắm bổ sung, thay thế trang thiết bị phục vụ dạy và học cho trường, lớp học	124
+ Sửa chữa, bảo dưỡng trang thiết bị máy tính, máy chiếu, điều hòa.	25

+ Sơn cửa các phòng học	50
+ Sửa chữa 3 phòng học	49
- Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới	497
- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	403
- Hỗ trợ học phí học kỳ II Năm học 2024 - 2025 theo quy định Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của HĐND tỉnh	405
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	164

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2025

Đơn vị: Trường trung học phổ thông Ngô Quyền
Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1038341-422-070-074-864

Mã KBNN nơi giao dịch: 2811

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày /12/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	1.179
- Học phí	1.179
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại(Sau khi trích nguồn CCTL)	1.179
- Học phí	1.179
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	16.661
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp giao	16.914
1.1 Chi quản lý hành chính	
1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục	16.914
a. Kinh phí thực hiện tự chủ	12.671
b. Kinh phí không thực hiện tự chủ	4.243
- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	86
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	576
- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	208
+ Bảo vệ trường	73
+ Vệ sinh chung	73
+ Tổ chức, tham gia các kỳ thi	62
- Sửa chữa, bảo trì thường xuyên tài sản, cơ sở vật chất, mua sắm bổ sung, thay thế trang thiết bị phục vụ dạy và học cho trường, lớp học	250
+ Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị máy tính phòng tin học	86
+ Sửa chữa bảo dưỡng điều hoà	48

+ Sửa chữa bàn ghế phòng học	36
+ Sửa chữa chữa bảo dưỡng thay bảng tương tác, máy tính phòng học thông minh	80
- Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới	1.836
- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	576
- Hội đồng coi thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh THPT năm 2025	76
- Hỗ trợ học phí học kỳ II Năm học 2024 - 2025 theo quy định Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của HĐND tỉnh	635
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	253

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2025

Đơn vị: Trường PTDTNT THCS và THPT tỉnh Quảng Ninh

Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1007434-422-070-074-864

Mã KBNN nơi giao dịch: 2811

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày /12/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	441
- Học phí	441
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại(Sau khi trích nguồn CCTL)	441
- Học phí	441
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	28.975
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp giao	29.247
1.1 Chi quản lý hành chính	
1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục	29.247
a. Kinh phí thực hiện tự chủ	13.589
b. Kinh phí không thực hiện tự chủ	15.658
- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	196
- Chế độ học sinh dân tộc nội trú, hỗ trợ nhà giáo theo VBHN số 27/VBHN-BGDĐT	12.797
+ Chế độ học sinh dân tộc nội trú theo Thông tư 109/2009/TTLT/BTC-BGDĐT	12.712
+ Hỗ trợ nhà giáo theo VBHN số 27/VBHN-BGDĐT(Tham quan học tập)	85
- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	162
+ Bảo vệ trường	102
+ Vệ sinh chung	10
+ Tổ chức, tham gia các kỳ thi	30

+ Tập huấn, bồi dưỡng do Sở GD&ĐT tổ chức, điều động tham gia	20
- Sửa chữa, bảo trì thường xuyên tài sản, cơ sở vật chất, mua sắm bổ sung, thay thế trang thiết bị phục vụ dạy và học cho trường, lớp học	250
+ Sửa chữa hệ thống điện, nước khu nhà B	182
+ Sửa chữa tường rào	68
- Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới	382
- Kinh phí thực hiện hợp đồng lao động theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/22022 của Chính phủ	1.128
- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	499
- Hội đồng coi thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh THPT năm 2025	
- Hỗ trợ học phí học kỳ II Năm học 2024 - 2025 theo quy định Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của HĐND tỉnh	244
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	272

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2025**Đơn vị: Trường trung học phổ thông chuyên Hạ Long****Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1038346-422-070-074-864****Mã KBNN nơi giao dịch: 2811***(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày /12/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)**Đơn vị tính: triệu đồng*

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	1.497
- Học phí	1.497
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại(Sau khi trích nguồn CCTL)	1.497
- Học phí	1.497
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	62.544
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp giao	63.269
1.1 Chi quản lý hành chính	
1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục	63.269
a. Kinh phí thực hiện tự chủ	36.268
b. Kinh phí không thực hiện tự chủ	27.001
- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	20
- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	439
+ Bảo vệ trường	179
+ Vệ sinh chung	156
+ Tổ chức, tham gia các kỳ thi	104
- Thực hiện Nghị quyết quy định chế độ thưởng, hỗ trợ công tác bồi dưỡng học sinh giỏi tỉnh Quảng Ninh và một số chính sách ưu đãi đối với Trường trung học phổ thông Chuyên Hạ Long từ năm học 2021-2022 đến năm học 2025-2026 (Nghị quyết 63/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021)	12.402
- Sửa chữa, bảo dưỡng tài sản công (Sửa chữa nhà hiệu bộ, nhà học A,B,C, nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ khác)	9.715

- Sửa chữa, bảo trì thường xuyên tài sản, cơ sở vật chất, mua sắm bổ sung, thay thế trang thiết bị phục vụ dạy và học cho trường, lớp học	250
+ Sơn nhà công vụ	145
+ Sửa chữa cống phụ	91
+ Sửa chữa máy chiếu phòng học	14
- Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới	1.834
- Kinh phí thực hiện hợp đồng lao động theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ	81
- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	1.329
- Hội đồng coi thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh THPT năm 2025	91
- Hỗ trợ học phí học kỳ II Năm học 2024 - 2025 theo quy định Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của HĐND tỉnh	840
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	725

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2025

Đơn vị: Trường trung học phổ thông Trần Phú

Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1040581-422-070-074-864

Mã KBNN nơi giao dịch: 2818

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày /01/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	1.659
- Học phí	1.659
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại(Sau khi trích nguồn CCTL)	1.659
- Học phí	1.659
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	22.165
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp giao	22.535
<i>1.1 Chi quản lý hành chính</i>	
<i>1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục</i>	22.535
<i>a. Kinh phí thực hiện tự chủ</i>	18.505
<i>b. Kinh phí không thực hiện tự chủ</i>	4.030
- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	1.115
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	369
- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	274
+ Bảo vệ trường	72
+ Vệ sinh chung	48
+ Tổ chức, tham gia các kỳ thi	139
+ Bổ sung sách thư viện	15
- Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới	488
- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	813
- Hội đồng coi thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh THPT năm 2025	53

- Hỗ trợ học phí học kỳ II Năm học 2024 - 2025 theo quy định Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của HĐND tỉnh	918
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	370

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2025

Đơn vị: Trường trung học phổ thông Ưông Bí

Mã số DV- C-L-K-NVC: 1008146-422-070-074-864

Mã KBNN nơi giao dịch: 2812

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày /12/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	1.733
- Học phí	1.733
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại(Sau khi trích nguồn CCTL)	1.733
- Học phí	1.733
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	21.327
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp giao	21.698
1.1 Chi quản lý hành chính	
1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục	21.698
a. Kinh phí thực hiện tự chủ	18.544
b. Kinh phí không thực hiện tự chủ	3.154
- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	78
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	452
- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	274
+ Bảo vệ trường	100
+ Vệ sinh chung	100
+ Tập huấn, bồi dưỡng do Sở GD&ĐT tổ chức, điều động tham gia	50
+ Bổ sung sách thư viện	11
+ Vận hành trang thiết bị thông minh	13
- Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới	485

- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	827
- Hội đồng coi thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh THPT năm 2025	92
- Hỗ trợ học phí học kỳ II Năm học 2024 - 2025 theo quy định Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của HĐND tỉnh	946
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phân kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	371

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2025
Đơn vị: Trường trung học phổ thông Vũ Văn Hiếu
Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1040548-422-070-074-864
Mã KBNN nơi giao dịch: 2811

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày /12/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	903
- Học phí	903
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại(Sau khi trích nguồn CCTL)	903
- Học phí	903
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	12.690
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp giao	12.901
1.1 Chi quản lý hành chính	
1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục	12.901
<i>a. Kinh phí thực hiện tự chủ</i>	10.545
<i>b. Kinh phí không thực hiện tự chủ</i>	2.356
- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	39
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	178
- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	172
+ Bảo vệ trường	80
+ Vệ sinh chung	80
+ Tổ chức, tham gia các kỳ thi	12
- Sửa chữa, bảo trì thường xuyên tài sản, cơ sở vật chất, mua sắm bổ sung, thay thế trang thiết bị phục vụ dạy và học cho trường, lớp học	250

+ Sửa chữa hệ thống mái khu nhà học, nhà thực hành	250
- Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới	739
- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	480
- Hỗ trợ học phí học kỳ II Năm học 2024 - 2025 theo quy định Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của HĐND tỉnh	498
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	211

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2025

Đơn vị: Trung tâm hướng nghiệp và giáo dục thường xuyên Tỉnh

Mã số DV- C-L-K-NVC: 1040632-422-070-075-864

Mã KBNN nơi giao dịch: 2811

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày /12/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	2.230
- Học phí	1.030
- Thu khác	1.200
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại(Sau khi trích nguồn CCTL)	2.230
- Học phí	1.030
- Thu khác	1.200
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	8.259
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp giao	8.394
1.1 Chi quản lý hành chính	
1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục	8.394
a. Kinh phí thực hiện tự chủ	6.767
b. Kinh phí không thực hiện tự chủ	1.627
- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	24
- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	156
+ Bảo vệ trường	133
+ Vệ sinh chung	23
- Sửa chữa, bảo trì thường xuyên tài sản, cơ sở vật chất, mua sắm bổ sung, thay thế trang thiết bị phục vụ dạy và học cho trường, lớp học	250
+ Sửa chữa cửa kính, nền nhà khu văn phòng, phòng học	250
- Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới	652

- Kinh phí thực hiện hợp đồng lao động theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/22022 của Chính phủ	140
- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	314
- Hỗ trợ học phí học kỳ II Năm học 2024 - 2025 theo quy định Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của HĐND tỉnh	91
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	135

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2025
Đơn vị: Trường trung học phổ thông Đầm Hà
Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1064535-422-070-074-864
Mã KBNN nơi giao dịch: 2825

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày /12/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	187
- Học phí	187
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại(Sau khi trích nguồn CCTL)	187
- Học phí	187
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	15.919
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp giao	16.221
<i>1.1 Chi quản lý hành chính</i>	
<i>1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục</i>	16.221
<i>a. Kinh phí thực hiện tự chủ</i>	14.395
<i>b. Kinh phí không thực hiện tự chủ</i>	1.826
- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	437
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	164
- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	279
+ Bảo vệ trường	80
+ Vệ sinh chung	56
+ Tổ chức, tham gia các kỳ thi	67
+ Tập huấn, bồi dưỡng do Sở GD&ĐT tổ chức, điều động tham gia	50
+ Bổ sung sách thư viện	26
- Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới	234

- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	612
- Hỗ trợ học phí học kỳ II Năm học 2024 - 2025 theo quy định Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của HĐND tỉnh	100
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	302

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2025

Đơn vị: Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Đường Hoa Cường

Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1021834-422-070-074-864

Mã KBNN nơi giao dịch: 2821

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày /12/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	274
- Học phí	274
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại(Sau khi trích nguồn CCTL)	274
- Học phí	274
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	12.637
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp giao	12.830
1.1 Chi quản lý hành chính	
1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục	12.830
a. Kinh phí thực hiện tự chủ	9.664
b. Kinh phí không thực hiện tự chủ	3.166
- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	1.528
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	110
- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	183
+ Bảo vệ trường	110
+ Vệ sinh chung	40
+ Tổ chức, tham gia các kỳ thi	33
- Sửa chữa, bảo trì thường xuyên tài sản, cơ sở vật chất, mua sắm bổ sung, thay thế trang thiết bị phục vụ dạy và học cho trường, lớp học	176
+ Sửa chữa công, hàng rào	91
+ Sửa chữa điện 10 phòng học lý thuyết nhà học 2 tầng	85

- Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới	594
- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	426
- Hỗ trợ học phí học kỳ II Năm học 2024 - 2025 theo quy định Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của HĐND tỉnh	149
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	193

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2025

Đơn vị: Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Hải Đông

Mã số DV- C-L-K-NVC: 1032557-422-070-074-864

Mã KBNN nơi giao dịch: 2814

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày /12/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	138
- Học phí	138
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại(Sau khi trích nguồn CCTL)	138
- Học phí	138
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	11.664
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp giao	11.872
<i>1.1 Chi quản lý hành chính</i>	
<i>1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục</i>	11.872
<i>a. Kinh phí thực hiện tự chủ</i>	9.903
<i>b. Kinh phí không thực hiện tự chủ</i>	1.969
- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	376
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	277
- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	266
+ Bảo vệ trường	192
+ Vệ sinh chung	
+ Tổ chức, tham gia các kỳ thi	58
+ Bổ sung sách thư viện	16
- Sửa chữa, bảo trì thường xuyên tài sản, cơ sở vật chất, mua sắm bổ sung, thay thế trang thiết bị phục vụ dạy và học cho trường, lớp học	173

+ Sửa chữa nhà vệ sinh học sinh, tường rào khu nhà vệ sinh học sinh	173
- Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới	362
- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	438
- Hỗ trợ học phí học kỳ II Năm học 2024 - 2025 theo quy định Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của HĐND tỉnh	77
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	208

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2025

Đơn vị: Trường trung học phổ thông Quảng Hà

Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1046356-422-070-074-864

Mã KBNN nơi giao dịch: 2821

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày /12/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	484
- Học phí	484
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại(Sau khi trích nguồn CCTL)	484
- Học phí	484
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	16.005
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp giao	16.267
1.1 Chi quản lý hành chính	
1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục	16.267
a. Kinh phí thực hiện tự chủ	13.103
b. Kinh phí không thực hiện tự chủ	3.164
- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	375
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	95
- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	257
+ Bảo vệ trường	84
+ Vệ sinh chung	56
+ Tổ chức, tham gia các kỳ thi	117
- Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới	1.588
- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	581
- Hỗ trợ học phí học kỳ II Năm học 2024 - 2025 theo quy định Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của HĐND tỉnh	268
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	262

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2025

Đơn vị: Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Tiên Yên

Mã số DV- C-L-K-NVC: 1060777-422-070-074-864

Mã KBNN nơi giao dịch: 2814

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày /12/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	499
- Học phí	499
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại(Sau khi trích nguồn CCTL)	499
- Học phí	499
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	21.016
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp giao	21.355
<i>1.1 Chi quản lý hành chính</i>	
<i>1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục</i>	21.355
<i>a. Kinh phí thực hiện tự chủ</i>	16.939
<i>b. Kinh phí không thực hiện tự chủ</i>	4.416
- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	1.592
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	460
- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	293
+ Bảo vệ trường	120
+ Vệ sinh chung	96
+ Tổ chức, tham gia các kỳ thi	60

+ Tập huấn, bồi dưỡng do Sở GD&ĐT tổ chức, điều động tham gia	12
+ Bổ sung sách thư viện	5
- Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới	996
- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	760
- Hội đồng coi thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh THPT năm 2025	48
- Hỗ trợ học phí học kỳ II Năm học 2024 - 2025 theo quy định Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của HĐND tỉnh	267
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	339

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2025

Đơn vị: Trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở và trung học phổ thông Tiên Yên

Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1038181-422-070-074-864

Mã KBNN nơi giao dịch: 2814

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày /12/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	158
- Học phí	158
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại(Sau khi trích nguồn CCTL)	158
- Học phí	158
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	27.158
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp giao	27.385
1.1 Chi quản lý hành chính	
1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục	27.385
a. Kinh phí thực hiện tự chủ	11.341
b. Kinh phí không thực hiện tự chủ	16.044
- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	70
- Chế độ học sinh dân tộc nội trú, hỗ trợ nhà giáo theo VBHN số 27/VBHN-BGDĐT	11.539
+ Chế độ học sinh dân tộc nội trú theo Thông tư 109/2009/TTLT/BTC-BGDĐT	11.493
+ Hỗ trợ nhà giáo theo VBHN số 27/VBHN-BGDĐT(Tham quan học tập)	46
- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	176
+ Bảo vệ trường	18
+ Tổ chức, tham gia các kỳ thi	20

+ Tập huấn, bồi dưỡng do Sở GD&ĐT tổ chức, điều động tham gia	77
+ Bổ sung sách thư viện	10
+ Vận hành trang thiết bị thông minh	51
- Sửa chữa, bảo dưỡng tài sản công (Sửa chữa nhà hiệu bộ, nhà học, nhà đa năng, nhà ký túc xá và các hạng mục phụ trợ khác)	1.631
- Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới	264
- Mua sắm bổ sung trang thiết bị	894
- Kinh phí thực hiện hợp đồng lao động theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/22022 của Chính phủ	961
- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	422
- Hỗ trợ học phí học kỳ II Năm học 2024 - 2025 theo quy định Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của HĐND tỉnh	87
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	227

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2025

Đơn vị: Trường trung học phổ thông Ba Chẽ

Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1042611-422-070-074-864

Mã KBNN nơi giao dịch: 2816

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày /12/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	319
- Học phí	319
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại(Sau khi trích nguồn CCTL)	319
- Học phí	319
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	13.728
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp giao	13.936
1.1 Chi quản lý hành chính	
1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục	13.936
a. Kinh phí thực hiện tự chủ	9.908
b. Kinh phí không thực hiện tự chủ	4.028
- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	2.851
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	79
- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	202
+ Bảo vệ trường	120
+ Vệ sinh chung	42
+ Tổ chức, tham gia các kỳ thi	40
- Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới	423
- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	407
- Hỗ trợ học phí học kỳ II Năm học 2024 - 2025 theo quy định Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của HĐND tỉnh	66
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	208

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2025

Đơn vị: Trường trung học phổ thông Bình Liêu

Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1038352-422-070-074-864

Mã KBNN nơi giao dịch: 2819

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày /12/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	118
- Học phí	118
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại(Sau khi trích nguồn CCTL)	118
- Học phí	118
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	13.205
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp giao	13.415
<i>1.1 Chi quản lý hành chính</i>	
<i>1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục</i>	13.415
<i>a. Kinh phí thực hiện tự chủ</i>	9.977
<i>b. Kinh phí không thực hiện tự chủ</i>	3.438
- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	1.206
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	204
- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	189
+ Bảo vệ trường	50
+ Vệ sinh chung	12
+ Tổ chức, tham gia các kỳ thi	90
+ Tập huấn, bồi dưỡng do Sở GD&ĐT tổ chức, điều động tham gia	37
- Sửa chữa, bảo trì thường xuyên tài sản, cơ sở vật chất, mua sắm bổ sung, thay thế trang thiết bị phục vụ dạy và học cho trường, lớp học	250
+ Lắp đặt giá sách, rèm cửa, bổ sung bàn đọc phòng Thư viện	50

+ Lắp đặt bảng biển, trang trí phòng truyền thống	50
+ Sửa chữa điện phòng học, phòng thực hành Tin học	83
+ Sửa chữa nhà vệ sinh	47
+ Sửa chữa thiết bị phòng thực hành bộ môn	20
- Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới	1.122
- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	410
- Hỗ trợ học phí học kỳ II Năm học 2024 - 2025 theo quy định Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của HĐND tỉnh	57
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	210

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2025

Đơn vị: Trường trung học phổ thông Cô Tô

Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1061364-422-070-074-864

Mã KBNN nơi giao dịch: 2823

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày /12/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	116
- Học phí	116
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại(Sau khi trích nguồn CCTL)	116
- Học phí	116
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	13.614
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp giao	13.768
<i>1.1 Chi quản lý hành chính</i>	
<i>1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục</i>	13.768
<i>a. Kinh phí thực hiện tự chủ</i>	7.708
<i>b. Kinh phí không thực hiện tự chủ</i>	6.060
- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	322
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	38
- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	126
+ Bảo vệ trường	31
+ Vệ sinh chung	10
+ Tổ chức, tham gia các kỳ thi	50
+ Tập huấn, bồi dưỡng do Sở GD&ĐT tổ chức, điều động tham gia	20
+ Bổ sung sách thư viện	15

- Hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc thường xuyên tại một số địa bàn thuộc tỉnh theo Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND	1.380
- Sửa chữa cơ sở vật chất (Sửa chữa nhà học, nhà hiệu bộ, nhà ở nội trú, nhà đa năng và một số hạng mục phụ trợ khác)	3.524
- Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới	337
- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	273
- Hỗ trợ học phí học kỳ II Năm học 2024 - 2025 theo quy định Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của HĐND tỉnh	60
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	154

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2025

Đơn vị: Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Hoàn Mỹ

Mã số DV- C-L-K-NVC: 1083045-422-070-074-864

Mã KBNN nơi giao dịch: 2819

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày /12/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	116
- Học phí	116
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại(Sau khi trích nguồn CCTL)	116
- Học phí	116
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	18.626
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp giao	18.862
1.1 Chi quản lý hành chính	
1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục	18.862
a. Kinh phí thực hiện tự chủ	11.783
b. Kinh phí không thực hiện tự chủ	7.079
- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	3.093
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	313
- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	252
+ Bảo vệ trường	117
+ Vệ sinh chung	88
+ Tổ chức, tham gia các kỳ thi	47
- Hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc thường xuyên tại một số địa bàn thuộc tỉnh theo Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND	1.368
- Sửa chữa, bảo dưỡng tài sản công	

- Sửa chữa, bảo trì thường xuyên tài sản, cơ sở vật chất, mua sắm bổ sung, thay thế trang thiết bị phục vụ dạy và học cho trường, lớp học	250
+ Sửa chữa máy tính, máy chiếu phòng học, phòng tin học, phòng thực hành thí nghiệm	84
+ Sửa chữa cửa phòng học, phòng thực hành thí nghiệm	50
+ Sửa chữa nhà vệ sinh, điện nước phòng thực hành thí nghiệm	42
+ Sửa chữa nhà để xe giáo viên, học sinh	49
+ Sửa chữa cổng trường	25
- Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới	1.257
- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	486
- Hỗ trợ học phí học kỳ II Năm học 2024 - 2025 theo quy định Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của HĐND tỉnh	60
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	236

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2025

Đơn vị: Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Quan Lạn

Mã số DV- C-L-K-NVC: 1032556-422-070-074-864

Mã KBNN nơi giao dịch: 2822

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày /12/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	180
- Học phí	180
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại(Sau khi trích nguồn CCTL)	180
- Học phí	180
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	16.926
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp giao	17.122
1.1 Chi quản lý hành chính	
1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục	17.122
a. Kinh phí thực hiện tự chủ	9.779
b. Kinh phí không thực hiện tự chủ	7.343
- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	976
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	88
- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	185
+ Bảo vệ trường	125
+ Vệ sinh chung	40
+ Bổ sung sách thư viện	20
- Sửa chữa, bảo dưỡng tài sản công (Sửa chữa nhà học, nhà hiệu bộ, nhà ở nội trú, nhà công vụ giáo viên, nhà ăn, nhà đa năng, nhà xe, nhà bảo vệ, khu giáo dục thể chất, tường rào, cổng)	3.722
- Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới	243

- Hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc thường xuyên tại một số địa bàn thuộc tỉnh theo Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND	1.680
- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	353
- Hỗ trợ học phí học kỳ II Năm học 2024 - 2025 theo quy định Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của HĐND tỉnh	96
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	196

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2025

Đơn vị: Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Quảng La

Mã số DV- C-L-K-NVC: 1032463-422-070-074-864

Mã KBNN nơi giao dịch: 2811

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày /12/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	104
- Học phí	104
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại(Sau khi trích nguồn CCTL)	104
- Học phí	104
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	12.161
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp giao	12.370
1.1 Chi quản lý hành chính	
1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục	12.370
<i>a. Kinh phí thực hiện tự chủ</i>	9.939
<i>b. Kinh phí không thực hiện tự chủ</i>	2.431
- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	258
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	145
- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	212
+ Bảo vệ trường	84
+ Vệ sinh chung	42
+ Tổ chức, tham gia các kỳ thi	70
+ Tập huấn, bồi dưỡng do Sở GD&ĐT tổ chức, điều động tham gia	16
- Sửa chữa, bảo trì thường xuyên tài sản, cơ sở vật chất, mua sắm bổ sung, thay thế trang thiết bị phục vụ dạy và học cho trường, lớp học	250

+ Sửa chữa, lắp đặt lại biển tên các phòng học, phòng làm việc	10
+ Sửa chữa, bổ sung bàn ghế học sinh, bàn ghế giáo viên	143
+ Sửa chữa thiết bị phòng tin học	48
+ Sửa công trường, bảng tin	15
+ Sửa chữa, thay thế khóa cửa các phòng học	14
+ Sửa chữa mái nhà học, nhà xe , nhà hiệu bộ	20
- Mua sắm bổ sung trang thiết bị	237
- Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới	840
- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	432
- Hỗ trợ học phí học kỳ II Năm học 2024 - 2025 theo quy định Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của HĐND tỉnh	57
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	209

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2025

Đơn vị: Trường trung học phổ thông Hải Đảo

Mã số DV- C-L-K-NVC: 1041365-422-070-074-864

Mã KBNN nơi giao dịch: 2822

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày /12/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	572
- Học phí	572
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại(Sau khi trích nguồn CCTL)	572
- Học phí	572
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	22.432
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp giao	22.791
1.1 Chi quản lý hành chính	
1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục	22.791
a. Kinh phí thực hiện tự chủ	17.943
b. Kinh phí không thực hiện tự chủ	4.848
- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	1.424
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	290
- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	244
+ Bảo vệ trường	136
+ Tổ chức, tham gia các kỳ thi	108
- Sửa chữa, bảo trì thường xuyên tài sản, cơ sở vật chất, mua sắm bổ sung, thay thế trang thiết bị phục vụ dạy và học cho trường, lớp học	250
+ Sửa chữa nền nhà khu nhà học	150
+ Sửa chữa, thay thế phụ kiện của máy chiếu, máy tính phòng học, phòng tin học	100
- Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới	1.496

- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	787
- Hội đồng coi thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh THPT năm 2025	51
- Hỗ trợ học phí học kỳ II Năm học 2024 - 2025 theo quy định Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của HĐND tỉnh	306
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phân kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	359

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày /12/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

[illegible]

[illegible]

- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	8.221		244	277	304	149	175	244	184	231	172	205
Thực hiện Nghị quyết quy định chế độ thưởng, hỗ trợ công tác bồi dưỡng học sinh giỏi tỉnh Quảng Ninh và một số chính sách ưu đãi đối với Trường trung học phổ thông Chuyên Hạ Long từ năm học 2021-2022 đến năm học 2025-2026 (Nghị quyết 63/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021)	12.402											
- Kinh phí thực hiện hợp đồng lao động và hợp đồng dịch vụ đối với một số loại công việc theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ	2.758	448										
- Hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc thường xuyên tại một số địa bàn thuộc tỉnh theo Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND	4.428											
- Sửa chữa, bảo dưỡng tài sản công	30.103			3.141		3.340	1.094		727			1.120
- Sửa chữa, bảo trì thường xuyên tài sản, cơ sở vật chất, mua sắm bổ sung, thay thế trang thiết bị phục vụ dạy và học cho trường, lớp học	5.533			250		250	250	250	250	250		250
- Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới	29.986		1.218	1.329	399	455	201	829	578	1.517	353	265
- Mua sắm bổ sung trang thiết bị	1.184			53								

- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	22.171	619	716	830	918	392	549	705	510	658	438	585
- Hội đồng coi thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh THPT năm 2025	627				51		89		76			
- Hỗ trợ học phí học kỳ II Năm học 2024 - 2025 theo quy định Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của HĐND tỉnh	27.063	11.273	774	897	1.013	399	514	777	554	729	493	659
1.3 Chi đảm bảo xã hội	229	229										
- Chương trình bảo vệ trẻ em và thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021 - 2025	112	112										
- Chương trình hành động về bình đẳng giới và phòng ngừa ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới	88	88										
- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Ninh)	29	29										
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	10.511	428	318	373	422	175	252	310	229	302	209	262

[illegible]

[illegible]

[illegible]

- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	1.055	575	402	512	370	709	403	576	499	1.329	813	827
- Hội đồng coi thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh THPT năm 2025								76		91	53	92
- Hỗ trợ học phí học kỳ II Năm học 2024 - 2025 theo quy định Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của HĐND tỉnh	1.128	246	419	501	164	296	405	635	244	840	918	946
1.3 Chi đảm bảo xã hội												
- Chương trình bảo vệ trẻ em và thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021 - 2025												
- Chương trình hành động về bình đẳng giới và phòng ngừa ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới												
- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Ninh)												
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	474	256	182	238	169	308	164	253	272	725	370	371

[illegible]

[illegible]

+ <i>Nhiệm vụ Tổ chức cán bộ và Quản lý chất lượng</i>															
+ <i>Nhiệm vụ Thanh tra</i>															
+ <i>Nhiệm vụ Văn phòng</i>															
+ <i>Nhiệm vụ Kế hoạch, Tài chính</i>															
- Chính sách thu hút sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ															
- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	172	156	279	183	266	257	293	176	202	189	126	252	185	212	244
Thực hiện Nghị quyết 63/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021															
- Kinh phí thực hiện hợp đồng lao động và hợp đồng dịch vụ đối với một số loại công việc theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/22022 của Chính phủ		140						961							

- Hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc thường xuyên tại một số địa bàn thuộc tỉnh theo Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND											1.380	1.368	1.680		
- Sửa chữa, bảo dưỡng tài sản công								1.631			3.524		3.722		
- Sửa chữa, bảo trì thường xuyên tài sản, cơ sở vật chất, mua sắm bổ sung, thay thế trang thiết bị phục vụ dạy và học cho trường, lớp học	250	250		176	173					250		250		250	250
- Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới	739	652	234	594	362	1.588	996	264	423	1.122	337	1.257	243	840	1.496
- Mua sắm bổ sung trang thiết bị								894						237	
- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	480	314	612	426	438	581	760	422	407	410	273	486	353	432	787
- Hội đồng coi thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh THPT năm 2025							48								51

- Hỗ trợ học phí học kỳ II Năm học 2024 - 2025 theo quy định Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của HĐND tỉnh	498	91	100	149	77	268	267	87	66	57	60	60	96	57	306
1.3 Chi đảm bảo xã hội															
- Chương trình bảo vệ trẻ em và thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021 - 2025															
- Chương trình hành động về bình đẳng giới và phòng ngừa ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới															
- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Ninh)															
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại NS cấp tỉnh	211	135	302	193	208	262	339	227	208	210	154	236	196	209	359